

Chính sách ngoại thương của Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1897 - 1945

NGUYỄN THỊ ĐỊNH*

Tóm tắt: Chính sách ngoại thương của thực dân Pháp là một trong những tác nhân quan trọng đối với sự phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước Âu, Mỹ giai đoạn 1897 - 1945. Sau khi xâm chiếm và bình định xong Việt Nam (1896), thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa trên quy mô lớn. Để đạt hiệu quả cao nhất, thực dân Pháp chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, đặc biệt là hệ thống giao thông công chính và thông tin liên lạc, tạo điều kiện lưu thông thị trường nội địa và đẩy mạnh hoạt động ngoại thương. Một mặt thi hành những chính sách hướng tới tự do thương mại, mặt khác thực dân Pháp tăng cường chế độ bảo hộ nhằm đảm bảo không xâm phạm đặc quyền của Pháp, phục vụ lợi ích người Pháp. Tình hình trên vừa thúc đẩy phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước Âu, Mỹ thời thuộc địa, đồng thời hạn chế hoạt động trao đổi buôn bán giữa hai bên diễn ra chủ yếu với Pháp, phụ thuộc chặt chẽ vào Pháp.

Từ khóa: Việt Nam; Pháp; thương mại, bảo hộ, quan hệ thương mại, thời thuộc địa, phát triển.

1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế phục vụ thương mại

Sau khi xâm chiếm và bình định xong Việt Nam (1896), thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa trên quy mô lớn nhằm vơ vét, làm giàu cho chính quốc. Để khai thác hiệu quả nhất, thực dân Pháp chú trọng xây dựng ở Việt Nam cơ sở hạ tầng kinh tế lớn, đặc biệt là hệ thống giao thông công chính và thông tin liên lạc. Các dự án công chính chiếm hơn 20% tổng ngân sách trong các năm 1900 - 1937⁽¹⁾. Điều đáng

chú ý là hầu hết những khoản chi cho công chính được thực hiện ở Việt Nam. Paul Bernard đã chỉ ra rằng, phần của Cao Miên và Lào cộng lại cũng chỉ chiếm 15% tổng kinh phí xây dựng mới từ năm 1900 đến 1935 của toàn Đông Dương⁽²⁾. Do thực dân Pháp ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống giao thông công chính ở Việt Nam thời thuộc địa được cải tiến khá nhanh chóng và đồng bộ, từ mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, bến cảng cho đến mạng lưới điện

* ThS. Nguyễn Thị Định, Trường Đại học Hồng Đức

báo..., đặc biệt là các bến cảng, tạo điều kiện lưu thông thị trường trong nước và đẩy mạnh hoạt động ngoại thương. Song song với quá trình đó, tư bản Pháp tăng cường đầu tư vào những ngành kinh tế có khả năng tận dụng nguồn lợi thuộc địa, xuất khẩu sinh lời lớn. Vì vậy, không ít ngành nghề, bộ phận kinh tế (trong cả hai khu vực truyền thống và hiện đại) đã tham gia mạnh mẽ vào quá trình kinh tế hàng hóa như: sản xuất lúa gạo, đồn điền, hầm mỏ, thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến...

2. Mở cửa thị trường có chọn lọc

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, khi đại công nghiệp, khoa học kỹ thuật, giao thông vận tải, thông tin liên lạc... đều phát triển mạnh thì tự do thương mại trở thành quy luật tất yếu. Thế giới là một thị trường thống nhất, rộng mở; ở đó không còn chỗ cho những quốc gia “đóng cửa, khóa nước”, những nền kinh tế tự cung cô lập và tách biệt; một quốc gia có thể phụ thuộc vào nhiều quốc gia khác về mặt kinh tế. Trong bối cảnh đó, Pháp buộc phải thi hành những chính sách hướng tới tự do thương mại ở Đông Dương như mở cảng, mở rộng quan hệ đối tác, ưu đãi thế quan... Đây là điểm khác biệt cơ bản trong chính sách ngoại thương giữa thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn.

Nhận rõ tầm quan trọng của hệ thống bến cảng đối với sự phát triển thương mại ở Việt Nam, thực dân Pháp đã bắt đầu chú ý đến việc mở cảng ngay khi chưa hoàn thành quá trình xâm lược. Chưa bình định xong vùng ven Sài Gòn, thực dân Pháp đã cho khai thác lúa gạo và mở cảng đón tàu ngoại quốc ra vào buôn bán. Ngày 22 tháng 2 năm 1860 (tức là chỉ một năm sau khi chiếm Gia Định), “sông Sài Gòn từ Cape Saint Jacques (Bà Rịa Vũng Tàu) cho

đến tận thành phố Sài Gòn được mở cửa cho tàu buôn của tất cả các quốc gia hòa bình với Pháp”. Để thu hút tàu ngoại quốc chính sách thuế ưu đãi, chỉ thu một khoản cố định là 2 frs/tôn - nô, bao gồm thuế hải đăng, thuế phù tiêu, thuế bến, thuế cảnh sát cảng, thuế bỏ neo⁽³⁾.

Trong thời kỳ khai thác thuộc địa, việc mở mang giao thông đường thủy cũng như các bến cảng càng được chú trọng. Giai đoạn 1899 - 1923, kinh phí cho thủy lợi, kênh đào nội địa, nạo vét lòng sông, xây dựng bến cảng chiếm khoảng 27,5% chi phí cho giao thông công chính, riêng chi phí cho xây dựng và quy hoạch bến cảng là 6,8%⁽⁴⁾. Vì vậy, hệ thống cảng Việt Nam được cải tạo căn bản, nhất là cảng Sài Gòn. Từ bến tàu bằng đá đơn sơ do Hoa Kiều xây dựng, qua quá trình liên tục đầu tư xây dựng, nâng cấp trang thiết bị, mở rộng phạm vi bến bãi..., cảng Sài Gòn nhanh chóng trở thành thương cảng lớn nhất, hiện đại nhất Đông Dương. Cho đến năm 1930, cơ ngơi “cảng thứ 7” của Pháp đã trải dài 6 km với một hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ (gồm bến đỗ, cầu tàu, đường ray, phao neo, tàu kéo, máy cầu, nhà kho, xưởng đóng tàu...), đủ sức tiếp nhận cùng lúc 40 - 50 tàu trọng tải lớn...⁽⁵⁾.

Ngoài cảng trung tâm, hệ thống cảng được mở mang gồm nhiều cảng sông, cảng biển lớn nhỏ khắp các xứ. Từ làng chài Ninh Hải, cảng Hải Phòng được xây dựng thành cảng lớn nhất Bắc Kỳ, cảng thứ hai về vận tải đường dài của Đông Dương, mỗi năm tiếp nhận khoảng 600 tàu với tổng trọng tải trên 1,5 triệu tấn⁽⁶⁾. Bên cạnh đó, nhiều cảng phụ khác cũng được cải tạo, đưa vào sử dụng như: Hòn Gai, Cẩm Phả ... (Bắc Kỳ), Bến Thủy, Đà Nẵng, Cam Ranh (Trung Kỳ), Hà Tiên (Nam Kỳ)...

Việc mở cảng thu hút mạnh tàu nước ngoài tới Việt Nam, lượng tàu phương Tây tăng mạnh. Cảng Sài Gòn, nơi đảm nhận 57% hàng hóa các cảng ở Đông Dương, ngay buổi đầu khai thác thuộc địa (giai đoạn 1897 - 1908), mỗi năm có khoảng 620 lượt tàu nhập cảnh, gấp 1,25 lần; trọng tải trung bình: 902.170 tấn/năm, gấp 1,5 lần 10 năm trước đó (năm 1887: 493 lượt tàu, trọng tải 598.406 tấn)⁽⁷⁾. Tổng số tàu hơi nước Âu, Mỹ nhập cảng năm 1913 đã là 2.074 lượt; tăng lên 3.233 lượt năm 1928; 4.078 lượt năm 1935. Năm 1939, con số này lên tới 5.971 lượt, gấp 5,18 lần số lượng tàu châu Á và quốc gia khác⁽⁸⁾. Cảng Hải Phòng, mặc dù chủ yếu phục vụ nhu cầu thương mại với Vân Nam, vẫn diễn ra khá đều đặn hoạt động trao đổi mậu dịch với các nước Âu, Mỹ. Cảng chính của Bắc Kỳ từ 1908 đến 1914 xuất sang các nước châu Âu lượng hàng hóa dao động từ 93.330 đến 130.029 tấn (trung bình 113.939 tấn/năm); nhập của châu Âu từ 29.000 đến 38.637 tấn (trung bình 30.748 tấn/năm), nhập của châu Mỹ từ 3.790 đến 10.843 tấn (trung bình 6.857 tấn/năm)⁽⁹⁾. Năm 1927, vận chuyển thông qua cảng Sài Gòn (chỉ tính ngoại thương) đạt 315 triệu đồng Đông Dương chiếm khoảng 70% thương mại. Nhập khẩu vào đây đạt 680.000 tấn với trị giá 135 triệu đồng Đông Dương, chiếm khoảng 64% trong tổng sản lượng nhập khẩu, trong khi xuất khẩu đạt 1.640.000 tấn với trị giá 180 triệu, chiếm tới 73% tổng sản phẩm xuất khẩu của Đông Dương thuộc Pháp⁽¹⁰⁾. Cùng thời gian, hàng hóa xuất khẩu qua cảng Hải Phòng trị giá 103 triệu, chiếm khoảng 23% tổng sản lượng xuất khẩu; nhập khẩu trị giá 63 triệu đồng, chiếm khoảng 30% tổng sản lượng nhập khẩu của Đông Dương thuộc Pháp⁽¹¹⁾.

Khác với triều Nguyễn, thực dân Pháp tăng cường thiết lập các mối quan hệ

thương mại cấp nhà nước. Từ năm 1897 đến năm 1945, chính phủ Pháp ký nhiều hiệp định, thỏa thuận thương mại với các quốc gia và khu vực khác nhau trên thế giới. Theo thống kê chưa đầy đủ, có gần 30 thương ước ký kết giữa Pháp với các nước Âu, Mỹ. Sau khi tổng thống Pháp ra sắc lệnh, thượng nghị viện và quốc hội chuẩn y, thương ước sẽ được Toàn quyền Đông Dương ban hành, có giá trị như một văn bản pháp quy thực thi thống nhất ở chính quốc và thuộc địa. Qua đó, danh sách bạn hàng của Việt Nam mở rộng hơn bao giờ hết.

Từ trước đến nay, đa số ý kiến cho rằng, thực dân Pháp luôn đánh thuế cao hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Đông Dương. Nhưng trong thực tế, chế độ ưu đãi thuế quan đối với hàng ngoại vẫn được chính quyền thực dân áp dụng (tất nhiên phía Pháp phải được hưởng những điều kiện đãi ngộ tương xứng).

Hầu hết hiệp ước hoặc thỏa thuận thương mại chính phủ Pháp ký kết chúng tôi tham khảo đều có điều khoản về ưu đãi thuế quan dành cho hàng ngoại nhập. Thỏa thuận Pháp - Tây Ban Nha ký ngày 8 tháng 7 năm 1922, điều 1 ghi rõ: "Các sản phẩm tự nhiên hoặc chế phẩm có nguồn gốc từ Tây Ban Nha, các quần đảo Baléares, Claries hoặc khu nhượng địa của Tây Ban Nha" ... "khi nhập khẩu vào Pháp, các thuộc địa, khu nhượng địa cũng như các xứ bảo hộ của Pháp có chế độ hải quan giống như ở Chính quốc, đều được hưởng mức thuế tối thiểu, nghĩa là mức thuế thấp nhất liên quan đến các loại thuế nhập khẩu hiện nay hoặc những loại thuế mà Pháp có thể thiết lập trong tương lai cũng như các loại thuế phụ thu, hệ số thuế và tăng thuế do Pháp đã hoặc có thể thiết lập"⁽¹²⁾. Hiệp định Pháp - Đức ký ngày 17 tháng 8 năm 1927 quy định: "Sản phẩm tự

nhiên và chế phẩm nguồn gốc xuất xứ Đức"... "khi nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan Pháp sẽ được hưởng mức thuế tối thiểu áp dụng vào ngày ký Hiệp định này, bao gồm cả thuế phụ thu hoặc hệ số tăng thuế" (Điều 1)⁽¹³⁾. Điều 18 thỏa thuận thương mại Pháp - Liên minh kinh tế Bỉ - Luxembourg, ký ngày 28 tháng 3 năm 1929 tại Paris đã ghi: "Khi nhập khẩu vào các xứ thuộc địa, khu nhượng địa và xứ bảo hộ của Pháp, các sản phẩm tự nhiên hoặc chế phẩm có xuất xứ từ Liên minh kinh tế Bỉ - Luxembourg" và "các sản phẩm tự nhiên hoặc chế phẩm có nguồn gốc từ Congo thuộc Bỉ và lãnh thổ Ruando - Urundi, khi nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của Pháp cũng như các thuộc địa, khu nhượng địa và xứ bảo hộ của Pháp, được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc"⁽¹⁴⁾.v.v...

Thực tế trên xuất phát từ nguyên do sau: Đông Dương có thể đảm bảo tiêu thụ phần lớn nhưng không phải tất cả hàng hóa Pháp; Đông Dương có thể cung cấp một phần quan trọng nguyên liệu, lương thực thực phẩm cho chính quốc nhưng không thể đáp ứng toàn bộ nhu cầu linh vực này. Để đảm bảo thu lợi nhuận cao nhất, Pháp cần phải bán hàng hóa của mình cho nhiều quốc gia khác nhau; đồng thời phải mua hàng của nhiều quốc gia khác để thỏa mãn nhu cầu trong nước. Vì vậy, Pháp không thể giữ thị trường Đông Dương cho riêng mình, cũng không thể đòi hỏi sự ưu đãi cho hàng hóa Pháp từ các đối tác nếu Pháp không có sự đãi ngộ tương xứng. Trong trường hợp này, chính sách ưu đãi theo kiểu "đôi bên cùng có lợi" là sự lựa chọn thích hợp.

3. Duy trì bảo hộ mậu dịch

Do tác động của quy luật kinh tế thị trường, dù muốn hay không, thực dân Pháp

bắt buộc phải "nhượng bộ" các đối thủ của mình bằng chính sách "mở cửa", những hiệp ước "đôi bên cùng có lợi" hoặc chế độ ưu đãi về thuế quan... Bên cạnh đó, nhằm hạn chế cạnh tranh của hàng ngoại, bảo vệ thị trường Đông Dương cho sản phẩm công nghiệp chính quốc, đồng thời bảo vệ thị trường chính quốc cho hàng hóa thuộc địa, thực dân Pháp không những không từ bỏ chế độ bảo hộ mà còn tăng cường sự can thiệp của nhà nước bằng các chính sách đồng hóa thuế quan, miễn trừ thuế quan có hạn mức, sử dụng các biện pháp công cụ...

Đối với các nước thuộc địa, Pháp thi hành chế độ đồng hóa thuế quan.

Ra đời từ luật thuế quan ngày 11 tháng 1 năm 1892, chế độ đồng hóa thuế quan công nhận Đông Dương thuộc nhóm "các nước có chế độ ưu đãi tương liên", "có thể áp dụng mức thuế suất tối thiểu đối với hàng hóa nhập vào Pháp"⁽¹⁵⁾.

Trong đạo luật thuế ngày 13 tháng 4 năm 1928, chế độ đồng hóa thuế quan được thực hiện triệt để hơn. Đông Dương được xếp vào "nhóm 1" tức là "những vùng lãnh thổ được đồng hóa quan thuế như Chính quốc" cùng với "Madagascar và các phần phụ thuộc, Guadeloupe và các phần phụ thuộc, Martinique, Guyane, Réunion"⁽¹⁶⁾.

Điều 2 ghi rõ: "Miễn thuế quan đối với mọi sản phẩm có xuất xứ từ Pháp và Algérie nhập khẩu vào các nước thuộc địa thuộc nhóm 1.

Tương tự, sản phẩm của các nước thuộc địa thuộc nhóm 1 nhập cảng vào Pháp và Algérie cũng được miễn loại thuế này"⁽¹⁷⁾.

Ở đây chúng ta thấy nguyên tắc miễn trừ hai chiều được áp dụng một cách bình đẳng, không điều kiện, cho phép miễn mọi loại thuế và phí nhập khẩu đối với hàng hóa của Chính quốc vào các thuộc địa và của các thuộc địa vào Chính quốc; các thuộc

địa được coi như một phần của lãnh thổ Chính quốc.

Nguyên tắc miễn trừ qua lại cũng được đảm bảo giữa các thuộc địa của Pháp với nhau. Điều 7 quy định: “miễn thuế hải quan đối với sản phẩm có xuất xứ từ một nước thuộc địa của Pháp nhập khẩu vào một nước thuộc địa khác của Pháp, trừ vùng lãnh thổ mà các văn bản quốc tế không cho phép áp dụng chế độ này”⁽¹⁸⁾.

Quy định này cũng có thể áp dụng trong trao đổi mậu dịch giữa các nước thuộc địa với các vùng lãnh thổ ở châu Phi đặt dưới sự ủy trị của người Pháp⁽¹⁹⁾.

Như vậy, việc miễn thuế được áp dụng cho hàng hóa xuất, nhập khẩu qua lại giữa nước Pháp và thuộc địa Pháp; giữa tất cả các thuộc địa Pháp, bao gồm cả các nước Châu Phi ủy trị, ngoại trừ các vùng lãnh thổ không được phép áp dụng chế độ này theo các văn bản quốc tế.

Đúng như V.Talon nhận định, việc áp dụng chế độ đồng hóa thuế quan Đông Dương với Chính quốc, An-giê-ri và các thuộc địa đã tạo thành một liên minh thuế quan thực thụ; còn hơn thế, là một lãnh thổ duy nhất⁽²⁰⁾. Giữa các phần lãnh thổ của nước Pháp, việc trao đổi hàng hóa được miễn thuế hoàn toàn.

Đối với nước ngoài, thực dân Pháp thực hiện chế độ miễn trừ thuế quan có ràng buộc, hạn mức

Nhằm duy trì thị trường tiêu thụ của Pháp ở các quốc gia và vùng lãnh thổ nước ngoài, Pháp buộc phải giảm nhẹ thuế quan đối với hàng ngoại nhập, chia sẻ thị trường Đông Dương với ngoại quốc; tuy nhiên, đó là chế độ miễn trừ có hạn mức, ràng buộc.

Theo V. Talon, được hưởng chế độ ưu đãi là những quốc gia ký kết hiệp định thương mại với Pháp, đồng thời có sự mở

rộng điều kiện đối với thuộc địa. Đó là: Đức, Bỉ, Anh, Đan Mạch, Italia, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Na Uy, Estônia, Ba Lan, Sec - Slôvakia, Achentina, Canada, Hoa Kỳ, Braxin, Côlômbia...

Ngược lại, những nước không đảm bảo điều kiện này khi nhập khẩu hàng hóa vào thuộc địa Pháp, sẽ phải chịu mức thuế như biểu thuế chung. Đó là: Anbani, Rumani, Nga, Bồ Đào Nha, Costa - Rica, Mêhicô, Pêru...⁽²¹⁾.

Đặc biệt, mỗi quốc gia chỉ được hưởng quy chế ưu đãi thuế quan đối với một số mặt hàng; mức độ ưu đãi cho từng loại mặt hàng cũng khác nhau. Điều này được quy định rõ trong các hiệp ước thương mại.

Hiệp định thương mại Pháp - Phần Lan (13/7/1921) cho phép những sản phẩm có tên trong phụ lục B đính kèm “được hưởng tỷ lệ ưu đãi nhất liên quan đến các loại thuế và thuế nhập khẩu hiện hành...”; các sản phẩm tại phụ lục C được giảm thuế theo tỷ lệ phần trăm ghi trên phụ lục. Riêng bột giấy và xeluloza các loại (số 30 và 33 trong biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Sắc lệnh ngày 15 tháng 4 năm 1921) “sẽ được giảm 30% thuế phụ thu...”. Lông thú (số 44 trong biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Sắc lệnh ngày 15 tháng 4 năm 1921) “được miễn thuế xuất khẩu...”⁽²²⁾.

Điều 3, Hiệp định thương mại Pháp - Estônia (ký ngày 7/1/1922) quy định: khi nhập cảng vào Pháp cũng như các xứ thuộc địa, nhượng địa của Pháp, chỉ “những sản phẩm tự nhiên hoặc chế phẩm có nguồn gốc và đến từ Estônia có tên trong phụ lục B đính kèm được hưởng mức thuế tối thiểu...”. Các sản phẩm liệt kê tại phụ lục C “được giảm thuế theo tỷ lệ phần trăm ghi trên phụ lục (tỷ lệ phần trăm này được tính dựa trên phần chênh lệch giữa biểu thuế chung và biểu thuế tối thiểu)”⁽²³⁾.

Hiệp định thương mại Pháp - Đức (ngày 17/8/1927) quy định 3 mức ưu đãi khác nhau đối với mỗi loại hàng hóa Đức nhập khẩu vào Pháp. Trong đó, sản phẩm trong danh mục A được hưởng mức thuế tối thiểu áp dụng vào ngày ký Hiệp định; nhưng sản phẩm tại danh mục B chỉ được hưởng mức thuế tối thiểu ghi trên danh mục trước ngày thi hành Hiệp định. Sản phẩm tại danh mục C được giảm thuế theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên biểu thuế chung ghi tại danh mục này⁽²⁴⁾. Đặc biệt, cùng là mặt hàng thiếc nguyên chất hoặc hợp kim, cán hoặc cán thành lá, nhưng loại 750g / m² được giảm 6,90%, còn loại 750g trở xuống được giảm 62,7%. Cũng là đồ gốm và sản phẩm bằng thiếc nguyên chất hoặc hợp kim kềm, antimony hoặc chì, loại 80g trở lên giảm 47, loại dưới 80g giảm 62,7⁽²⁵⁾. Như vậy, mức độ ưu đãi căn cứ vào chủng loại, khối lượng hàng hóa được lập trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên ký kết.

Cần lưu ý rằng, hàng hóa mặc dù có tên trong danh mục miễn trừ thuế quan, nhưng muốn được hưởng chế độ thuế ưu đãi, phải chứng minh rõ nguồn gốc, xuất xứ, chứng minh được vận chuyển theo con đường ngắn nhất và thậm chí phải có chứng nhận phân tích kỹ thuật khi cần. Những quy định này cũng được lập thành điều khoản trong các hiệp ước hoặc thỏa thuận thương mại⁽²⁶⁾.

Trong thực tế, mặc dù có chế độ miễn trừ thuế quan nhưng các đạo luật thuế luôn thay đổi; biểu thuế luôn tăng cao. Tình trạng này K.Vorapheth đã phản ánh: “Chế độ thuế quan phổ cập thường xuyên trở thành đối tượng của các đơn khiếu nại. Từ năm 1931, nhiều thương nhân đã gửi đơn khiếu nại đến các Phòng Thương mại, Phòng Canh nông, Ủy ban Đông Dương để phản đối thuế nhập khẩu đối với mặt hàng gỗ, gạo, tiêu...”⁽²⁷⁾. J. de

Lanessan còn khẳng định, do thuế nhập khẩu đối với hàng ngoại vào Đông Dương quá cao, thuộc địa này trở thành mảnh đất của hoạt động buôn lậu mà người Âu không thể kiểm soát⁽²⁸⁾.

Không chỉ thi hành chế độ thuế bất bình đẳng, chính phủ Pháp còn thường xuyên sử dụng các biện pháp công cụ như hạn ngạch, kiểm soát hối đoái, lệnh cấm⁽²⁹⁾... Luật pháp nước cộng hòa Pháp công nhận chính phủ có quyền thi hành lệnh cấm và tăng thuế hải quan trong thời chiến⁽³⁰⁾. Trong hai cuộc chiến tranh thế giới, chính phủ Pháp nhiều lần sử dụng lệnh cấm như một biện pháp hữu hiệu vừa để tăng cường tiềm lực kinh tế phục vụ chiến tranh, vừa để trả đũa các nước là kẻ thù hoặc đối lập. Khi cần, chính phủ có thể phê chuẩn và chuyển một số lệnh cấm thành luật. Chẳng hạn, luật ngày 28 tháng 6 năm 1918 phê chuẩn và chuyển thành luật các sắc lệnh về việc cấm xuất khẩu một số sản phẩm ra khỏi các nước thuộc địa và xứ bảo hộ (trừ Tuynidi và Maroc): sắc lệnh ngày 19 tháng 02 năm 1917, sắc lệnh ngày 04 tháng 3 năm 1917, sắc lệnh ngày 31 tháng 5 năm 1917, sắc lệnh ngày 22 tháng 6 năm 1917, sắc lệnh ngày 17 tháng 8 năm 1917, sắc lệnh ngày 23 tháng 8 năm 1917⁽³¹⁾.

Mọi doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân làm ăn buôn bán ở Đông Dương đều phải tuân thủ luật pháp, quy định đã được chính phủ Pháp ban hành. Doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân làm trái quy định, vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý, trừng trị nghiêm. Luật ngày 4 tháng 4 năm 1915 (áp dụng tại Angiêri, các nước thuộc địa và xứ bảo hộ) quy định về án phạt hình sự đối với những người Pháp vi phạm lệnh cấm quan hệ thương mại với những người mang quốc tịch một cường quốc thù địch. Trong đó, tùy mức độ phạm tội, có thể bị phạt tù

từ 1 đến 5 năm và bị phạt tiền từ 500 đến 20.000 phơ rãng; bị tịch thu hàng hóa hoặc tài sản, tiền bạc cũng như ngựa, xe hơi, tàu và những vật dụng được dùng làm phương tiện vận chuyển hàng hóa; bị tước quyền dân sự và quyền công dân trong thời gian 10 năm⁽³²⁾.

Nói tóm lại, chính sách ngoại thương của thực dân Pháp ở Việt Nam là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa tự do thương mại và chế độ bảo hộ; vừa khuyến khích, tạo điều kiện phát triển, vừa hạn chế ngoại thương thuộc địa trong giới hạn cho phép; đảm bảo không xâm phạm đặc quyền của Pháp, phục vụ lợi ích người Pháp.

CHÚ THÍCH

1. Voraphet Kh. (2004), *Commerce et colonisation en Indochine 1860 - 1945: Les maisons de commerce française un siècle d'aventure humaine*, Les Indes Savantes, Paris ; pp.322 - 323.
2. Bernard P. (1937), *Neuveaux aspects du problème économique indochinois*, Fernand Sorlot, Paris; p. 21.
3. Nguyễn Phan Quang (1998), *Góp thêm tư liệu Sài Gòn - Gia Định (1859 - 1945)*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh; tr. 64.
4. *Bulletin économique de l'Indochine*, No171, 1925, số 171, 1925; p.138
5. Nguồn: Lê Huỳnh Hoa (2003), *Cảng Sài Gòn và biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời thuộc Pháp (giai đoạn 1860 - 1939)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, TP. Hồ Chí Minh.
6. Đặng Phong (2002), *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945 - 2000*, tập 1 (1945 - 1954), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội; tr.29.
7. Nguồn: Texier P. (1909), *Le port de Saigon*, Impr. du Midi - E. Trénit, Bordeaux.
8. Số liệu tổng hợp từ: Gouvernement Général de l'Indochine, Direction des Services Économiques. Service de la Statistique Générale, *Résumé statistique relatif aux années de 1913 à 1940*, IDEO, Hanoi, 1941; pp.14 - 15.
9. Nguồn: *Bulletin économique de l'Indochine*, TC 202 (Lưu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia 1) ; pp. 418 - 419.
- 10, 11. Gourou P. (1929), *L'Indochine française*, Impr. Mac Dinh Tu, Hanoi ; p.54.
12. "Décret du 11 juillet 1922 portant publication et mise en application, à titre provisoire, de la convention commerciale entre la France et l'Espagne, signée à Madrid, le 8 juillet 1922 (promulgué le 3 octobre 1922)", J 1111, *Journal officiel de l'Indochine*, 1922, p.2155.
13. "Décret du 26 août 1927 portant publication et mise en application, à titre provisoire, de l'accord commercial entre la France et l'Allemagne, signé à Paris le 17 août 1927 (promulgué le 20 juillet 1929)", J 1139, *Journal officiel de l'Indochine*, 1929, p. 2707.
14. "Décret du 13 avril 1929 portant publication et mise en application de l'accord signé à Paris le 28 mars 1929 entre la France et l'Union économique Belgo-Luxembourgeoise (promulgué le 3 juin 1929, J 1137, *Journal officiel de l'Indochine*, 1929, p.2021.
15. "Arrêté du 3 Janvier 1893 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant en Indochine la Loi du 11 Janvier 1892, relative à l'établissement du tarif général des douanes", J 1010, *Journal officiel de l'Indochine* 1893, p.18
- 16, 17, 18, 19. "Loi du 13/4/1928 sur le nouveau régime douanier colonial", J 1135, *Journal officiel de l'Indochine*, 1928, p. 2002, 2002, 2003, 2003.
20. Talon V.(1932), *Le régime douanier de l'Indochine*, Eds. Domat - Montchrestien ; F. Loviton & Cie, Paris ; p. 68.
21. Talon V.(1932), *Le régime douanier de l'Indochine*, Sdd; pp.78 - 80.
22. "Décret du 20 Juillet 1921 portant publication et mise en application à titre provi-

- soire de la convention de commerce signée à Paris le 13 Juillet 1921 entre la France et la Finlande (promulgué le 29 octobre 1921)", J 1107, *Journal officiel de l'Indochine*, 1921, pp. 2000 - 2001.
23. "Décret du 27 juillet 1922 portant publication et mise en application, à titre provisoire, de la convention commerciale entre la France et l'Esthonie, signée à Paris, le 7 janvier 1922 (promulgué le 1er décembre 1922)", J1111, *Journal officiel de l'Indochine*, 1923, p.2610.
24. "Décret du 26 août 1927 portant publication et mise en application, à titre provisoire, de l'accord commercial entre la France et l'Allemagne, signé à Paris le 17 août 1927 (promulgué le 20 juillet 1929)", J 1139, *Journal officiel de l'Indochine*, 1929, p. 2707.
25. "Décret du 26 août 1927 portant publication et mise en application, à titre provisoire, de l'accord commercial entre la France et l'Allemagne, signé à Paris le 17 août 1927...", Sdd, pp.2768 - 2770.
26. Xem các hiệp ước, thỏa thuận thương mại Pháp - Tây Ban Nha, Pháp - Estônia, Pháp - Đức, Pháp - Phần Lan..., Sdd.
27. Voraphet Kh. (2004), *Commerce et colonisation en Indochine 1860 - 1945 : Les maisons de commerce française un siècle d'aventure humaine*, Les Indes Savantes, Paris ; p. 210.
28. Lanessan J-L.de (1889), *L'Indochine française, étude politique, économique et Administrative sur la Cambodge, l'Annam et le Tonkin*, Felix Alcan, Paris; p. 609.
29. Thông tin tổng hợp từ:
 "Arrêté du 9 Février 1919 du Gouverneur général de l'Indochine fixant la quantité maxima de riz et paddy qui pourra être mensuellement exportée pendant les mois de Février, Mars, Avril et Mai par le port de Saigon", J 1097, *Journal officiel de l'Indochine* 1919, p. 240
 "Arrêté du 23 Août 1932 fixant le contingent des marchandises étrangères dont l'importation pourra être effectuée pour la période du 1er Juillet au 30 Septembre 1932", J 1151, *Journal officiel de l'Indochine* 1932, p. 2757 - 2758, 3170
- "Arrêté du 23 Juin 1939 interministériel fixant les contingents de fils et tissus de coton étrangers à importer en Indochine pendant le 2^e semestre 1939", J 1198, *Journal officiel de l'Indochine* 1939, pp. 2008 - 2009
- "Arrêté No 4081 du 1er Juillet 1940 relatif au règlement des importations et des exportations en Indochine et à l'office des échanges", *GGI 4544*, tờ 75 - 76
- "Loi du 6 Mai 1916 autorisant pendant la durée des hostilités le Gouvernement à prohiber l'entrée des marchandises étrangères ou à augmenter les droits de douane", J 1087, *Journal officiel de l'Indochine* 1916, p.1342
- "Décret du 8 Septembre 1915 du President de la République française rendant applicables aux colonies et pays de Protectorat autres que la Tunisie et le Maroc les dispositions de la loi soumettant les marchandises d'origine du ou de provenance allemande ou austro-hongroise aux dispositions des lois de douane concernant les marchandises prohibées et celle relative à la répression des infractions aux dispositions réglementaires portant prohibition de sortie ou de réexportation de certains produits ou objets", J 1084, *Journal officiel de l'Indochine* 1915, p.1775.
30. "Loi du 6 Mai 1916 autorisant pendant la durée des hostilités le Gouvernement à prohiber l'entrée des marchandises étrangères ou à augmenter les droits de douane"..., Sdd, p.1342.
31. "Loi du 28 Juin 1918 portant ratification de div... décrets prohibant certains produits à la sortie des colonies et protectorats autres que la Tunisie et le Maroc", J1096, *Journal officiel de l'Indochine* 1918, pp.1823 - 1824.
32. "Interdiction des relations économiques avec les sujets d'un pays hostile", *RST 21150*, tờ 1- 2 (Lưu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia 1).